

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VÀI NÉT VỀ ISLAM GIÁO Ở ĐÔNG NAM Á (qua việc thực hiện 5 cốt đạo của tín đồ)

LƯƠNG THỊ THOA^(*)

I. KHÁI QUÁT VỀ ISLAM GIÁO Ở ĐÔNG NAM Á

So với Phật giáo và Kitô giáo, Islam giáo ra đời muộn hơn với lịch sử chừng hơn 1.300 năm (thế kỉ VII). Mặc dù vậy, Islam giáo lại là một tôn giáo có sức sống mạnh mẽ, có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn và phát triển cực kì nhanh chóng. Theo số liệu của Liên Hiệp Quốc, số lượng tín đồ Islam giáo trên thế giới hiện có khoảng hơn 1 tỉ người với tốc độ tăng trưởng nhanh: năm 1950 - 418 triệu, năm 1990 - 1007 triệu, năm 2000 khoảng 1.200 triệu, năm 2020 ước tính 1.745 triệu⁽¹⁾.

Là một tôn giáo thế giới, nhưng giáo luật Islam giáo đơn giản, nghi lễ không cầu kì, chủ yếu được thể hiện ở năm nghĩa vụ (còn gọi là 5 cốt đạo) của tín đồ, đó là:

+ Biểu lộ đức tin (Chahàda): Lòng tin tuyệt đối vào Thánh Allah (Đấng Toàn Năng) - thánh tối cao và duy nhất cùng sứ giả của Người là Mohammed.

+ Cầu nguyện (Salat): làm lễ cầu nguyện 5 lần trong mỗi ngày.

+ Ăn chay trong tháng Ramadan (tháng 9 theo lịch Islam giáo).

+ Thực hành bố thí (Zakat): trích 1/10 thu nhập hàng năm bố thí cho người nghèo, trẻ mồ côi, người goá bụa và đóng góp cho giáo hội.

+ Hành hương (Hadji): ít nhất một lần trong đời, các tín đồ Islam giáo nếu có đủ điều kiện về tiền bạc và sức khỏe phải hành hương đến thánh địa Mécca, thăm viếng đền Kaaba.

Ngoài năm cốt đạo, tín đồ Islam giáo còn có bốn phận quan trọng là tham dự các cuộc thánh chiến (Djihad) khi cần bảo vệ danh dự, bảo vệ Thánh Allah. Giáo luật Islam giáo còn có những quy định cụ thể về các sinh hoạt tôn giáo, về cuộc sống bản thân, gia đình và xã hội cho tín đồ như việc đọc kinh *Coran*, cắt da quy đầu, tang ma, cưới xin, phụ nữ và hôn nhân gia đình...

Lương Ninh trong một nghiên cứu về Islam giáo, đã nhận xét: “đạo Hồi đơn giản và kiệm ước (cấm rượu bia và sắc dục), đòi hỏi tín đồ lòng tin và sự phục

*. PGS. TS., Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Số liệu: *Hồi giáo ở một số nước Châu Phi qua các con số*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 năm 2002, tr. 69. (Thuật ngữ Islam giáo được sử dụng thay cho thuật ngữ Hồi giáo. Nhưng do tôn trọng các câu trích của các tác giả trước đây, trong một số trường hợp chúng tôi vẫn giữ nguyên thuật ngữ Hồi giáo - BBT).

tùng tuyệt đối ở thánh Allah, và nhà tiên tri (nôbi) là người đại diện duy nhất của Allah, khuyên người ta tin vào số phận (gador) do Allah sắp đặt, biết nhẫn (Sabr) trong đời, nhưng mặt khác lại mở ra khả năng được Allah phù hộ và được dựa vào sự đùm bọc, giúp đỡ của cộng đồng (ummu) Hồi giáo⁽²⁾ và chính đặc điểm trên của Islam giáo có thể là một trong những nguyên nhân “tạo thêm khả năng thu hút rộng rãi quần chúng lao động nghèo khổ và tạo nên sức mạnh chinh phục của Hồi giáo”⁽³⁾ khiến tôn giáo này không chỉ được phổ biến ở vùng Trung Cận Đông và Bắc Phi mà còn được truyền bá đến nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á.

Về quá trình du nhập Islam giáo vào Đông Nam Á, có ý kiến cho rằng sự du nhập và phát triển Islam giáo ở Đông Nam Á diễn ra trong một thời gian rất dài, từ thế kỉ X, XI cho đến tận ngày nay, “sớm nhất là bán đảo Malacca và Bắc Indonesia, thế kỉ X, XI và muộn nhất là vùng phía Đông Indonesia giữa thế kỉ XX, sau khi Indonesia giành được độc lập”⁽⁴⁾. Lại có ý kiến cho rằng “Islam giáo đến Đông Nam Á hơi muộn: đến vương quốc cổ Chăm-pa vào thế kỉ XIII, từ Chăm-pa phổ biến sang Java (Indonesia) khoảng thế kỉ XIV, tiếp đó là các nơi khác ở Đông Nam Á, từ thế kỉ XV”⁽⁵⁾.

Hiện nay, Đông Nam Á là một trong những khu vực phát triển của Islam giáo, có tới “hơn 3/5 dân số ở đây theo Islam giáo. Nếu tính tỉ lệ theo dân số mỗi nước, thì Indonesia 85%, Brunei 65%, Malaysia 55%, Singapore 17%, Philippin 8%, Campuchia 7%, Mianma 5%, Thái Lan 4%, Việt Nam tỉ lệ này không đáng kể”⁽⁶⁾. (Xin lưu ý: số liệu

này hiện đã lạc hậu. Tác giả chưa có được những số liệu mới nhất).

Islam giáo đến Đông Nam Á không phải bằng con đường gươm giáo, bằng những cuộc chiến tranh “thần thánh” như đã từng diễn ra ở Trung Cận Đông và Ấn Độ mà bằng con đường hoà bình thông qua các thương nhân và các nhà truyền giáo Arab, Ấn Độ, Ba Tư, v.v... Vì thế, ngay từ đầu Islam giáo đã được cư dân địa phương dễ dàng tiếp nhận và không gặp trở ngại gì đáng kể. Trên thực tế, Islam giáo càng ngày càng gây nhiều ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á hải đảo.

Cũng như mọi tôn giáo độc thần khác, Islam giáo cho dù được truyền bá bằng con đường chiến tranh hay hoà bình thì “muốn cắm rễ vào lòng dân, phải làm ngơ hay chấp nhận các tín đồ của mình theo các tôn giáo truyền thống”⁽⁷⁾. Vì lí do trên, khi truyền bá đến Đông Nam Á, Islam giáo không còn giữ nguyên tính chất nguyên thủy như nơi nó sinh ra. Các nước Đông Nam Á đã tiếp thu Islam giáo một cách có chọn lọc, phù hợp với lối sống, phong tục, tập quán bản địa, đặc biệt họ đã bớt đi những sự rườm rà, phức tạp và

2. Lương Ninh. *Hồi giáo trong thế giới hiện đại*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 (03) năm 2000, tr. 60.

3. Lương Ninh. *Bài đã dẫn*.

4. Phòng Thông tin tư liệu - Ban Tôn giáo Chính phủ. *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (tái bản lần thứ nhất), Hà Nội, 1995, tr. 169.

5. Lương Ninh. *Bài đã dẫn*, tr. 63.

6. Phòng Thông tin tư liệu - Ban Tôn giáo Chính phủ. *Sđđ.*, tr. 168.

7. Đặng Nghiêm Vạn. *Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr. 21-22.

cứng nhắc trong những nghi lễ và tập tục Islam giáo nguyên thủy.

II. VIỆC THỰC HIỆN 5 CỐT ĐẠO CỦA CÁC TÍN ĐỒ ISLAM GIÁO Ở ĐÔNG NAM Á

1. Biểu lộ đức tin:

Chỉ có một Thượng Đế duy nhất là thánh Allah và Mohammed là sứ giả của Người, đó là tín điều căn bản đầu tiên thể hiện đức tin của tín đồ Islam giáo, đức tin đó được coi là hạt nhân, là cốt lõi của giáo thuyết Islam giáo. Kinh *Coran* thường xuyên nhấn mạnh rằng: “Thánh Allah là duy nhất, không do ai tạo ra, tồn tại vĩnh viễn, tồn tại trong mình và cho mình”⁽⁸⁾, Thánh Allah là “người chiến thắng và chinh phục được các thần khác”⁽⁹⁾. Nhiều đoạn trong thánh kinh *Coran* miêu tả: “Thánh Allah là một linh hồn ở khắp nơi, là người tạo ra trái đất và bầu trời, là người có ở khắp nơi và lại không có ở đâu, không ai nhận thức được Người, không ai thấy được Người”⁽¹⁰⁾. Vì thế, tín đồ không có quyền nghi ngờ sức mạnh toàn năng của Thánh, mọi nghi ngờ sự tồn tại của Thánh Allah đều bị coi là một tội nặng mà Đấng Tối Cao không thể tha thứ. Lòng thành kính, lời tâm nguyện của tín đồ đối với Thánh Allah phải được đọc bằng tiếng Ả-rập:

“Ashadu Allah, llo - ha illol - loh

Wa ashadu anna Muhammador rosu loloh”⁽¹¹⁾

Câu thứ nhất có nghĩa xác nhận là không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah. Câu thứ hai xác nhận Mohammed là thiên sứ của Ngài. Tín đồ Islam giáo phải đọc hai câu trên mỗi khi cần, như nhấn nhủ bên tai đứa trẻ mới chào đời hay người hấp hối, trước mọi sự cám dỗ,

mọi hiểm nguy và ngay cả lúc nghe tiếng gọi đến giờ cầu nguyện hàng ngày.

Bị chi phối bởi tính chất độc thần tuyệt đối, với cái chết, tín đồ Islam giáo chính thống luôn sẵn sàng đón nhận, nhưng không tin có sự liên hệ thần bí giữa vong hồn người chết và người sống, giữa ông bà, cha mẹ với con cái. Những hình thức cúng giỗ riêng hàng năm cho mỗi thân nhân đã được đơn giản hoá thành buổi đọc kinh chung cho tất cả mọi tín đồ trong gia đình vào bất cứ một dịp nào thuận tiện. Còn việc cầu nguyện cho vong hồn người chết được bình yên thì sau tang lễ vào ngày thứ 7 và ngày thứ 40, họ tổ chức những bữa tiệc ăn để tưởng niệm.

Trái với quan niệm chính thống trên, cư dân Đông Nam Á nói chung, tín đồ Islam giáo Đông Nam Á nói riêng lại có suy nghĩ khác. Sống trong khu vực Châu Á gió mùa với nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chính, cuộc sống của người dân Đông Nam Á gần gũi với thiên nhiên, họ quan niệm mọi vật đều có linh hồn, thế giới xung quanh họ đầy rẫy những thần linh ở các cấp bậc khác nhau. Vì thế, họ không chỉ hướng vào một Đấng Tối Cao duy nhất (Đấng Sáng Thế) mà còn hướng niềm tin vào các *nhiên thần* và *nhân thần*. Họ mang ơn các vị thần, cầu mong các vị thần cho một lời khuyên,

8. R.R. Mápliotóp. *Islam*, Nxb Sách chính trị, Mátxcova, 1974 (tài liệu dịch từ tiếng Nga của vụ Tây Á và Châu Phi, Bộ Ngoại giao), tr. 21, 23.

9. R.R. Mápliotóp. *Sđđ.*, tr. 21, 23.

10. R.R. Mápliotóp. *Sđđ.*, tr. 21, 23.

11. Dẫn theo Nguyễn Văn Luận. *Người Chàm Islam giáo miền Tây Nam - phần Việt Nam*. Tủ sách biên khảo, Bộ Văn hoá giáo dục và Thanh niên, 1974, tr. 196.

giúp một việc làm thiện, mong có một cuộc sống ấm êm, tránh mọi điều dữ, mong mọi điều lành, mong cho tai qua nạn khỏi, thậm chí cầu mong một cuộc sống tốt đẹp ở thế giới bên kia với người thân. Họ kính mà sợ, vái trời, nhưng lại trách trời, vái tứ phương, và quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, dần trải niềm tin vào nhiều vị thần. Dưới con mắt họ, các vị thần đều có những quyền năng nhất định, đều là đối tượng bảo vệ cái thiện, che chở cho con người. Vì thế, các quốc gia Đông Nam Á phần lớn là các quốc gia đa tôn giáo. Tính đa thần hay phiếm thần thể hiện rất rõ trong sự thờ cúng, khác hẳn với tính độc thần trong các tôn giáo phương Tây. Ví như người Indônêxia có tục thờ cúng các loại thần cỏ cây, hoa lá ở trong rừng, trên cánh đồng. Tại đây, người ta dùng những tảng đá lớn làm bàn thờ tế lễ. Họ cũng tin vào sức mạnh thần bí của tự nhiên, tin vào sự tồn tại của hồn, vì vậy, trong thời gian săn bắn, đánh bắt cá, khai thác rừng, dựng nhà mới... người ta làm mọi việc để tỏ lòng kính trọng các lực lượng thần bí. Cư dân miền Đông Sumatra, mặc dù theo Islam giáo, vẫn thờ hổ, cá sấu, coi những con vật đó là những vị thần có vai trò to lớn trong cuộc sống của họ. Một số bộ lạc ở Philippin vẫn thờ Mặt Trời, Mặt Trăng hoặc các hiện tượng tự nhiên như cầu vồng, sấm động khi trời sắp đổ mưa, nước lũ hoặc những dòng nước xoáy, những cơn lốc, những trận động đất. Mỗi khi các hiện tượng thiên nhiên khác thường như vậy, người ta cầu khẩn đọc thần chú, gọi tên các thần hoặc cúng dâng lễ vật để khỏi bị trừng phạt.

Bên cạnh việc thờ cúng các hiện tượng tự nhiên, thờ cúng tổ tiên cũng là nét đặc trưng văn hoá trong tín ngưỡng của nhiều

dân tộc Đông Nam Á. Vì thế, ngay khi cả các tôn giáo lớn, ngoại sinh như Phật giáo, Kitô giáo hay Islam giáo tràn vào Đông Nam Á và cho dù có phát huy ảnh hưởng to lớn đến đâu đối với đời sống tâm linh của cư dân trong khu vực thì việc thờ cúng tổ tiên cũng không vì thế mà bị lãng quên. Ví như ở Philippin, những người Katiga, người Vizaya, người Iloki, người Apuyo vẫn có điện thờ cúng tổ tiên ở trong nhà, mặc dù họ là người Công giáo thực thụ. Người Môrô, dân tộc sùng bái Islam giáo hơn ai hết vẫn rất trân trọng việc thờ cúng tổ tiên. Người Chăm Islam giáo ở miền Tây Nam Bộ vẫn có bàn thờ ông bà, tổ tiên.

Đặc trưng của người Islam giáo chính thống là chỉ thừa nhận một Thượng Đế duy nhất là Thánh Allah. Sự thành kính cũng như sự sợ hãi của tín đồ đều được dành cho Ngài. Cư dân Đông Nam Á theo Islam giáo, mặc dù tin tưởng vào sức mạnh vạn năng của Thánh Allah, nhưng họ vẫn tin vào các vị thần khác, vẫn tin vào mối liên hệ, ràng buộc giữa người chết với người đang sống. Do đó, các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á vẫn lập bàn thờ để thờ cúng tổ tiên. Điều này cũng chứng tỏ rằng, Islam giáo đến Đông Nam Á, muốn cấm rễ được ở nơi đây đã phải chịu một sự tiếp biến mạnh mẽ của những tín ngưỡng, tôn giáo bản địa, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

2. Lễ cầu nguyện:

Theo giáo luật Islam giáo, các tín đồ Islam giáo phải cầu nguyện 5 lần⁽¹²⁾ mỗi ngày vào lúc rạng đông (cobh), buổi trưa

12. Đương thời, Giáo chủ Mohammed chỉ cầu nguyện 3 lần mỗi ngày vào các buổi sáng sớm, giữa trưa và lúc mặt trời lặn. Về sau, theo tập tục các tín đồ Islam giáo đã thêm 2 lần cầu nguyện nữa vào khoảng xế chiều và sau khi mặt trời lặn chừng 1 giờ.

(zohr), buổi chiều (acr), hoàng hôn (maghrib) và lúc chập tối (Ichá). Trước khi cầu nguyện, tín đồ phải làm nghi thức tẩy thể: dùng nước (hoặc cát), tùy theo điều kiện từng nơi, để rửa mặt mũi, chân tay, sửa soạn y phục chỉnh tề để cầu nguyện. Địa điểm cầu nguyện: có thể ở bất cứ đâu (ở nhà riêng, thánh đường, cơ quan, trường học...) trừ những nơi bị coi là ô uế như bãi tha ma, lò sát sinh. Trong mọi trường hợp, người cầu nguyện phải quay mặt về hướng thánh địa Mécca. Điểm cao nhất của tư thế cầu nguyện là hành vi cúi lạy sấp mặt xuống tận đất, đó là toàn bộ ý nghĩa của sự phục tùng Đấng Allah. Mọi lời cầu nguyện phải hướng về Thượng Đế, nói tới sự vĩ đại, từ bi, đáng kính của Người. Đôi khi tín đồ cũng cầu xin Đấng Tối Cao một cái gì đó, xin ban những điều tốt lành, thực hiện những mong ước thầm kín, giúp đỡ người tín đồ trong những công việc trần thế của họ. Riêng trưa thứ 6 hàng tuần, các tín đồ (nam giới) phải đến thánh đường cầu nguyện tập thể với sự có mặt ít nhất là 40 người để thể hiện sức mạnh của cộng đồng những người cùng một đức tin. Thông thường, đến giờ cầu nguyện, ông Muzzin đứng trên tháp thánh đường kêu gọi. Sau khi làm lễ tẩy thể, các tín đồ sẽ đứng trên một tấm thảm, quay mặt về Thánh địa để quỳ lạy và đọc kinh bằng tiếng Ả-rập dưới sự hướng dẫn của thầy Imâm. Trên tấm thảm có hình một thánh đường Islam giáo để che chở cho tín đồ khỏi bị những ảnh hưởng xấu.

Giáo luật Islam giáo quy định khá nghiêm ngặt và chi tiết về lễ cầu nguyện như: điều kiện cầu nguyện (phải tẩy thể), địa điểm cầu nguyện, tư thế cầu nguyện, hướng cầu nguyện, số lần cầu nguyện,

động tác cầu nguyện (có tới 10 động tác). Nếu thực hiện đầy đủ các quy định trên, các tín đồ Islam giáo phải tốn rất nhiều thì giờ trong một ngày. Vì thế, trong nhịp sống sôi động và phát triển hiện nay, các tín đồ bị lôi cuốn vào cuộc mưu sinh, ít ai có thể bỏ phí hàng giờ vào việc quỳ lạy, cầu nguyện. Đó cũng là lí do khiến các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á như ở Indonesia, Malaysia, Philippin, người Chăm Islam giáo ở Việt Nam không thực hiện đầy đủ lễ cầu nguyện theo đúng giáo luật, họ chỉ cầu nguyện ba lần chứ không phải 5 lần trong ngày. Ngay cả giới tu sĩ cũng chỉ thực hiện đầy đủ giáo luật (như số lần trong ngày, các động tác trong khi cầu nguyện) vào ngày thứ 6 và trong tháng ăn chay Ramadan.

Riêng với Chăm Islam giáo ở Việt Nam thì việc thực hiện lễ cầu nguyện ở hai khu vực cũng khác nhau. Đối với người Chăm Bani ở Trung Bộ thì “chỉ đọc 5 buổi kinh mà họ gọi là Vah hoặc Vaktū (Wakt)⁽¹³⁾, tức Salát vào ngày thứ 6 và trong lễ Ramadan, “Họ chỉ giới hạn trong việc thuộc lòng một số đoạn trích trong kinh Kurān, đặc biệt là đoạn Fatiha mà không hiểu gì cùng với sự phát âm sai tiếng Ả-rập khiến cho không ai có thể nghe hiểu gì hết...”⁽¹⁴⁾ “Họ bỏ qua hầu hết các chi tiết của lễ thanh tẩy và chỉ làm động tác như thể đang múc nước ở một cái hố sâu trong lòng đất”⁽¹⁵⁾.

Còn với người Chăm Islam ở Nam Bộ, các tín đồ Islam giáo ở đây chỉ đặc biệt

13. *Đạo Hồi ở Đông Dương*. Nguyễn Văn Kiệm sưu tầm, giới thiệu, dịch theo A. Cabaton. *Encyclopédie de l'Islam* T. II, Paris, 1927, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (302) tháng 1+2 năm 1999, tr. 80.

14. Bài đã dẫn.

15. Bài đã dẫn.

chú trọng vào 3 buổi lễ, đó là lễ Acr (vào khoảng lúc 16 giờ), lễ Icha (lúc 20 giờ tối) và nhất là lễ Zohr (vào lúc 13 giờ trưa ngày thứ Sáu). Dù được phép cầu nguyện ở thánh đường, nhà riêng hay bất cứ nơi nào tinh khiết (trừ nghĩa trang và lò sát sinh), người Chăm cũng không thể thực hiện đủ 5 lần cầu nguyện mỗi ngày. Ở thành thị, nhiều người còn viện lí do có thể lạy bùa vào một buổi khác nên không sốt sắng tham gia các lễ Cobh lúc rạng đông và Maghrib lúc hoàng hôn vì cần nghỉ ngơi sau những làm việc mệt nhọc⁽¹⁶⁾.

3. Lễ ăn chay trong tháng Ramadan:

Trước khi Islam giáo ra đời, trên bán đảo Arập chưa từng có tục nhịn ăn. Lễ ăn chay được thực hiện từ năm thứ hai của kỉ nguyên Islam giáo (năm 623), có thể do ảnh hưởng bởi những tập tục của người Do Thái ở Mêđina và tuân trai giới của đạo Kitô. Theo giáo luật Islam giáo, vào tháng 9 (theo lịch Islam giáo), tất cả các tín đồ Islam giáo phải thực hiện trai giới. Tục ăn chay của người Islam giáo không phải là kiêng ăn thịt, cá mà là nhịn tất cả mọi thứ. Trong suốt tháng này, từ 6 giờ sáng (lúc bình minh) cho đến 6 giờ tối (lúc hoàng hôn) tín đồ phải nhịn ăn uống, hút thuốc, cầm dùng cả nước hoa, dược phẩm (kể cả nước nhỏ mắt hay thuốc tiêm trừ bệnh tật) và sự chung chạ vợ chồng. Mọi sinh hoạt được thực hiện lại vào ban đêm. Kinh *Coran* có đoạn viết: “Hãy ăn và uống (ban đêm) cho đến khi các người thấy rõ sợi chỉ trắng của buổi rạng đông tách khỏi sợi chỉ đen của nó rồi hoàn tất việc nhịn chay (theo chế độ ‘Siyâm) cho đến lúc đêm xuống”⁽¹⁷⁾. Chỉ những người

già cả, phụ nữ có thai, trẻ em dưới 10 tuổi mới được miễn. Những người đau yếu, đang dự thánh chiến hay đi xa cũng chỉ tạm hoãn trong thời gian bất khả kháng, nhưng sẽ phải ăn chay bù vào dịp thuận tiện khác.

Việc ăn chay sẽ khởi sự từ ngày thấy vầng trăng đầu tháng 9 và chấm dứt khi lại thấy trăng xuất hiện vào đầu tháng sau. Tín đồ Islam giáo gọi tháng ăn chay là tháng ép xác. Họ tin rằng “có nhịn đói, chịu khát mới dễ thông cảm với cảnh thiếu thốn, khổ cực của người nghèo khổ. Giáo luật này sẽ tạo cho họ nghị lực để chế ngự những ham muốn vật chất cùng những dục vọng xấu xa. Người ta cũng tin rằng cầu nguyện (salât) trong tháng ăn chay sẽ được nhiều phúc vì suốt thời gian đó cửa Thiên Đường thì mở rộng mà quỷ sứ thì đóng chặt cửa địa ngục lại. Lễ ‘Icha trong những đêm tháng Ramadan thường kéo dài và đông người dự hơn lúc thường là vì lí do đó”⁽¹⁸⁾.

Vậy đối với các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á, họ đã thực hiện lễ ăn chay như thế nào ?

Indonesia, một quốc gia lớn ở khu vực Đông Nam Á, “đất nước của hàng nghìn hòn đảo, rộng khoảng 1.900.000 km² với số dân 187.600.000 người trong đó khoảng 90% theo Islam giáo”⁽¹⁹⁾, một cộng đồng Islam giáo lớn nhất thế giới. Ở đây,

16. Nguyễn Văn Luận. *Người Chăm Islam giáo miền Tây Nam - phần Việt Nam*. Tủ sách biên khảo, Bộ Văn hoá giáo dục và Thanh niên, 1974, tr. 211.

17. Kinh Qur’an, Sūrah 2, điều 187, (người dịch Hassan Abdul - Harim), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2001, tr. 60.

18. Nguyễn Văn Luận. Sđd., tr. 200.

19. Lương Ninh. *Bài đã dẫn*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 (03) năm 2000, tr. 63 - 64.

lễ ăn chay trong tháng Ramadan cũng được tín đồ thực hiện, nhưng chỉ có quan chức cao cấp và thương nhân giàu có thực hiện đúng từng quy tắc, còn phần lớn dân thường theo Islam giáo vẫn có thể hút thuốc, ăn trầu... Trong tháng ăn chay, vào ban đêm, các tín đồ đến thánh đường cầu kinh một vài tiếng. Theo quy định của Islam giáo chính thống, chỉ có đàn ông mới được vào thánh đường, còn ở Indonesia và cả ở Malaysia nữa, phụ nữ được vào thánh đường cầu nguyện tự do. Sau tháng Ramadan, các tín đồ Islam giáo Indonesia cũng được nghỉ 3 ngày, dừng các công việc kinh doanh, đồng áng lại để đến thăm nhau, tiệc tùng linh đình. Trong ba ngày nghỉ này, người ta tổ chức nấu mấy món ăn ngon để phân phát cho dân nghèo. Ở mỗi làng hay mỗi phố, có những địa điểm nhất định, người ta tập trung những cái nồi lớn và nấu những món ăn khá ngon, ai đi qua cũng có thể lấy ăn tùy thích. Trong những ngày lễ này, người ta cũng chuẩn bị quà cho các giáo chức. Tuy nhiên, những người nghèo không có tiền thì họ không quan tâm đến việc chuẩn bị quà, ngược lại còn được tặng quà nữa.

Các tín đồ Islam giáo Philippin và Malaysia thực hiện lễ ăn chay đúng từng quy định, còn các tín đồ vẫn sinh hoạt bình thường.

Người Chăm Islam ở Nam Bộ Việt Nam cũng thực hiện chay giới trong tháng Ramadan một cách tự nguyện. Trong suốt tháng Ramadan, cuộc sống trong thôn xóm của họ bị đảo lộn hẳn: ban đêm người ta kéo nhau đến thánh đường dự lễ 'Icha rất đông. Trong tháng này, người ta đọc kinh nhiều hơn, làm lễ

nhiều lần hơn. Sau đó “mọi người còn ngồi lại đọc đủ 100 lần lời tâm nguyện biểu lộ đức tin (chahàda) do một tín đồ hướng dẫn bằng cách lần một chuỗi tràng hạt có đủ 100 hạt mua từ thánh địa về. Cũng trong những đêm Ramadan, các nhà trí thức thông hiểu giáo lý giải đáp các thắc mắc của tín đồ. Mãi tới 1, 2 giờ sáng, mọi người rời thánh đường thì lại chia thành từng nhóm đến nhà người họ, người kia ăn bánh, uống nước. Mỗi đêm có lẽ họ chỉ ngủ 2, 3 tiếng đã trở dậy để ăn một bữa cơm no trước khi mặt trời mọc⁽²⁰⁾. Trong tháng trai giới này, mọi sinh hoạt kinh tế, giáo dục trong thôn xóm người Chăm Nam Bộ đều bị ngưng trệ, trường học cũng đóng cửa, những người đi buôn bán cũng nghỉ, tiệm ăn, giải khát của những người Islam giáo đều không mở cửa. Tất cả mọi người đều có vẻ mệt mỏi nên dù có bất buộc phải làm việc, năng suất cũng kém đi, nhất là khi tháng Ramadan rơi vào tháng hè nóng bức.

Ở thành thị, một vài công chức, quân nhân Chăm Islam đã thú nhận không thể nhịn ăn uống suốt ngày trong khi vẫn phải làm việc như những người không theo Islam giáo. Một số khác cố gắng tuân theo giáo luật đã cho biết những ngày đầu nhịn chưa quen nên rất khó chịu. “Ngay đàn ông có người không kiềm chế nổi những cơn đói khát nên phải ăn giấu giếm. Tự ý thôi “ăn chay” là một tội nặng sẽ phải chuộc bằng cách nhịn ăn một thời gian dài gấp đôi hay là cung cấp thực phẩm cho 60 người nghèo khó⁽²¹⁾.”

Trái với quan niệm của người Chăm Islam ở Nam Bộ, người Chăm Bàni ở

20. Nguyễn Văn Luận. *Sđđ.*, tr. 223.

21. Nguyễn Văn Luận. *Sđđ.*, tr. 223.

Trung Bộ có quan niệm khác về việc ăn chay. Họ cho rằng ăn chay là bốn phận riêng của giới giáo chức (ông Guru, thầy Khotíp, thầy Imâm) chứ không phải của tất cả mọi tín đồ Islam giáo. Vì thế, khi tìm hiểu về Islam giáo ở Đông Dương, một học giả nước ngoài đã nhận xét về lễ ăn chay của người Chăm Bani ở Trung Bộ như sau: “Quần chúng tín đồ chỉ thực hiện lễ Ramadan trong 5 ngày, còn các thầy lễ (Imâm) với tư cách đại diện cho cả cộng đồng lại thực hiện lễ này (lễ Ramadan) một cách đầy đủ, ở hẳn trong giáo đường cùng với những cuốn sách kinh, các tràng hạt, ấm pha trà, ống nhổ bằng đồng với số lượng lá trầu không cần thiết để nhai trầu, một thói quen thường thấy ở tất cả những người ở Viễn Đông. Trong suốt cả một tháng trời, họ không hề bước chân ra khỏi ngưỡng cửa giáo đường, trừ khi họ phải làm lễ thanh tẩy lớn ở ngoài sông”⁽²²⁾.

Một tài liệu khác còn cho biết: “Dân chúng vẫn được ăn uống điều hoà trong suốt tháng 9 Hồi lịch. Họ chỉ bắt buộc phải kiêng thịt các loài vật như trâu, heo, gà, vịt mà thôi, nên tuy gọi là tháng ăn chay mà người Chăm Bani vẫn được ăn tôm, cua, cá và ăn uống ngay lúc ban ngày”⁽²³⁾.

Những chứng cứ trên đây cho thấy người Chăm Bani ở Trung Bộ nhận thức về lễ ăn chay cũng như thực hiện lễ này một cách tượng trưng. Các tín đồ Islam giáo Trung Bộ không liên hệ gì với thế giới Islam giáo cũng như những người đồng đạo của mình ở Nam Bộ. “Người Chăm Nam Bộ đã từng phàn nàn họ lấy làm ngạc nhiên về sự tự do của những người đồng đạo ở miền Trung, khi thấy những người này được rượu chè thoải

mái, chẳng biết gì về kinh *Coran*, lễ nghi và những điều cấm kị. Họ thử nhắc nhở những người anh em nên trở lại quy tắc chính thống (của Islam giáo) thì đã đụng phải sự thờ ơ, thụ động, cả những tộc trưởng, xã trưởng, vốn gắn bó nhiều với truyền thống cổ xưa (của người Chăm) theo một tôn giáo (Hindu), xen nhiều tín ngưỡng cổ (sùng kính thần linh, tinh linh) mà chỉ trôi nổi một vài yếu tố Islam giáo như kiêng ăn thịt lợn, hướng về Mécca (phía Tây) cầu nguyện, viết chữ Ả-rập kiểu thư pháp mà chẳng mấy ai hiểu được”⁽²⁴⁾.

Tóm lại: cũng như mọi tôn giáo khác, lễ ăn chay chiếm một vị trí quan trọng trong Islam giáo và là một trong 5 bốn phận của tín đồ Islam giáo. Đây cũng là một thử thách của Thánh Allah đối với những người trung tín. Tuy nhiên, ăn chay trong Tháng Ramadan không phải là một thử thách ghê gớm đối với các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á.

4. BỐ THÍ (Zakat):

Có cùng một quan niệm với người Do Thái, người Ả-rập xưa cho rằng tất cả mọi của cải của người ta ở đời là do một vị thần xấu xa đưa tới. Sự giàu có chỉ đem lại những cảnh khổ đau cho người ta ở kiếp sau. Muốn tránh tai hoạ ấy chỉ có một cách duy nhất là trả lại Thánh Allah một phần tài sản để thanh khiết hoá phần mình còn giữ lại.

22. Dẫn theo: *Đạo Hồi ở Đông Dương*. Nguyễn Văn Kiệm sưu tầm, giới thiệu và dịch theo A.Cabaton. *Encyclopedie de l'Islam*, tập II, Paris, 1927. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (302) tháng 1+2 năm 1999, tr. 80.

23. Nguyễn Văn Luận. *Sdd.*, tr. 222 - 223.

24. Dẫn theo: Lương Ninh. *Đạo Hồi với người Chăm ở Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (tháng 1 - 2) năm 1999 - tr. 55.

Theo giáo luật Islam giáo, các tín đồ phải trích 1/10 lợi tức thu được hàng năm để bố thí cho người nghèo, người goá bụa, trẻ mồ côi, người mắc nợ vì hiếu thảo, người mới nhập đạo, người nô lệ muốn tự giải thoát, những người tham gia thánh chiến, khách lữ hành... Trong kinh *Coran* có đoạn viết : “Hỡi những ai có niềm tin, hãy chi dùng những món vật tốt mà các người đã thu hoạch được (để bố thí) và những vật mà TA đã sản xuất cho các người từ đất đai và chớ tìm vật nào xấu của nó mà tiêu ra (cho người khác), vật mà chính các người cũng không muốn nhận, trừ phi các người nhắm mắt làm ngơ...”⁽²⁵⁾ (sũrah 2, đoạn 37, điều 267). Mohammed cũng đã dạy tín đồ: “người không có đức tin thì không biết cầu nguyện và người không có phúc khi cầu nguyện là kẻ có tiền mà không chịu bố thí”.

Vì có tính bắt buộc nên việc bố thí mất đi ý nghĩa từ thiện và trở thành một thứ “thuế tín ngưỡng”. Nhưng mặt khác, đó cũng là “một cách khéo léo buộc người giàu phải chia bớt lợi tức, để người nghèo khỏi ghen tị nên giữ được tình đoàn kết giữa các tín đồ”⁽²⁶⁾. Ngoài việc đem của cải bố thí cho các đối tượng trên, lợi tức này còn được dùng vào việc xây cất thánh đường phục vụ lợi ích chung của cộng đồng và các cơ sở từ thiện.

Chúng tôi không có tư liệu về việc thực hiện giáo luật này ở các nước Islam giáo Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia, Brunei. Còn người Chăm Islam ở Nam Bộ không thực hiện triệt để giáo luật này. Nhiều người thú nhận chưa hề bố thí bao giờ vì họ cho rằng lấy số phần trăm thu hoạch trong năm để thực hiện Zakat là không hợp lí, nếu làm ăn thất bát hoặc

thu hoạch quá ít thì không cần bố thí nữa.

Ở thành thị, người Chăm Islam cho biết họ sẵn sàng bố thí vì tin rằng Zakat thì sẽ được phúc; nhưng số người dám nhận của bố thí thì lại hiếm. Ngày nay, ngay cả những người nghèo khó cũng không dám đứng ra tự nhận là mình nghèo hay mắc nợ vì hiếu thảo để nhận bố thí. Họ cho rằng sẽ mang tội, nếu tham lam nhận của Zakat.

Có thể nói, người Chăm Islam ở Nam Bộ không tìm cách trốn tránh việc bố thí, nhưng trên thực tế, họ chưa làm đầy đủ bổn phận này. Tuy nhiên, lại có một hình thức bố thí khác gọi là Patrak (zakat al fitr) được người Chăm Islam ở Nam Bộ thi hành triệt để vào ngày hội chay hàng năm. Theo đó, mỗi gia đình sẽ trích ra một số gạo chừng 4 lon để tặng những tín đồ gương mẫu thực hiện tốt bổn phận của mình trong tháng chay như mỗi ngày cầu nguyện đủ 5 lần, ăn chay đủ hoặc nhiều hơn số ngày được ấn định, đã từng hành hương, v.v... Với những quy định trên, những người được nhận gạo Patrak chỉ có thể là các Imâm ở các thánh đường, các thầy Tuôn dạy trẻ học kinh *Coran*.

Đối với người Chăm Bàn ở Trung Bộ, “Zakat không được mấy ai biết đến. Người ta chỉ nói nhiều đến lễ đổi gạo của các tu sĩ trong nhà thờ vào tháng Ramadan”⁽²⁷⁾. Cũng có thể xem đó là sự bố thí, nhưng ý nghĩa của nó hoàn toàn khác, vì theo lễ đổi gạo (còn được gọi là lễ

25. *Kinh Qur'an* (người dịch Hassan Abdul Karim), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2001, tr. 91.

26. Nguyễn Văn Luận. *Sđđ.*, tr. 201.

27. Phạm Thị Vinh. *Hồi giáo và đời sống xã hội của người Chăm*. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (11), 1993, tr. 50.

gửi gạo) thì mỗi tu sĩ chuẩn bị một thúng gạo trong tháng của mình, lần lượt bỏ vào các thúng gạo của các tu sĩ khác và ngược lại cũng nhận được những phần gạo như vậy. Và “những phần gạo các tu sĩ bố thí chính là những phần gạo họ gửi để dự trữ khi cha mẹ hoặc bản thân họ qua đời sẽ nhận được ở thế giới bên kia”⁽²⁸⁾.

5. Hành hương (Hadji):

Giáo luật Islam giáo quy định: ít nhất một lần trong đời, tất cả tín đồ Islam giáo ở trong hoàn cảnh có thể hành hương nghĩa là có đủ sức khoẻ cũng như tiền bạc phải đến viếng thăm thánh địa Mécca. Thời gian hành hương được xác định vào các ngày 7, 8, 9 tháng 12 lịch Islam giáo. Tuy nhiên, sự nghèo túng và thiếu an ninh trên dọc đường đi vẫn là lí do khiến cho nhiều tín đồ suốt đời chẳng hề nhìn thấy đền Kaaba cùng những thánh tích khác.

Đối với những người Islam giáo ở một số nước Đông Nam Á, thực hiện được bốn phận hành hương đến thánh địa Mecca không phải là điều dễ dàng và đơn giản vì đường đến thánh địa Mecca quá xa, số tiền chi phí cho cuộc hành hương không phải là nhỏ. Do vậy, quy định này *không phải là điều bắt buộc* đối với các nước Islam giáo Đông Nam Á.

Việc hành hương đến thánh địa Mécca được người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ thực hiện giống như người Islam giáo Ả-rập. Đến mùa hành hương, người Chăm Islam giáo Nam Bộ tỏ ra rất sốt sắng. “Ngay từ năm 1936 đã có 7 người Chăm đi hành hương và một số người tương đương đang sửa soạn ra đi vào năm 1937”⁽²⁹⁾. Tuy nhiên, số tín đồ thực hiện bốn phận trên chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số tín đồ Islam giáo Nam Bộ.

Theo tuần san *The Muslim World* số 41 ngày 13 - 5 - 1967 thì miền Nam Việt Nam đã có 86 tín đồ Islam giáo đi hành hương. Nếu xếp hạng thì đứng số 56 trong số 316.226 tín đồ viếng thánh địa trong mùa hành hương trong năm đó⁽³⁰⁾. Trước đây, các tín đồ đi theo đường biển đến Ả-rập Xêút, sau đó đi bộ hoặc cưỡi lạc đà đến địa điểm hành hương. Ngày nay, người ta có thể đi máy bay và khi đến Ả-rập, trên vùng sa mạc, họ đi bằng ô tô vào ban đêm cho mát. Sau khi đi hành hương về, người tín đồ đó được nhận tước hiệu Hadji (người đi hành hương) và trở thành nhân vật quan trọng trong cộng đồng. Trong khoảng thời gian 40 ngày, kể từ khi rời thánh địa, vị Hadji được coi là thiêng liêng nên bà con, bạn bè đến thăm viếng rất đông để được ban phúc. Ngược lại, người Hadji cũng phải đi lễ mọi thánh đường Islam giáo ở địa phương.

Người Chăm Bani ở Trung Bộ không biết đến bốn phận hành hương. Họ không xem việc hành hương là bốn phận của mình, đối với cả tầng lớp tu sĩ cũng vậy.

Trong số những tín đồ Islam giáo Indonesia, chỉ có quan chức, thương nhân giàu có và một số người nhiệt tâm mới thực hiện được bốn phận hành hương đến thánh địa Mécca. Những tín đồ khác không có điều kiện đến Mécca thì họ hành hương đến thánh đường lớn ở Xumatora, ở Malacca để hành lễ và coi như mình đã làm tròn bốn phận hành hương. Ở Malaysia, Kilanta là một trung tâm Islam giáo lớn của đất nước này, các

28. Phạm Thị Vinh. Bài đã dẫn.

29. Nguyễn Văn Luận. Sđd., tr. 228.

30. Xem: Nguyễn Văn Luận. Sđd., tr. 229.

tín đồ Islam giáo Malaysia cũng như Islam giáo Đông Nam Á đều coi Kilanta là thủ phủ Islam giáo thứ hai sau thánh địa Mécca. Nếu các tín đồ Đông Nam Á nói chung, Malaysia nói riêng, không đi hành hương được đến thánh địa Mécca thì có thể đến Kilanta để làm lễ.

Ngoài việc thực hiện 5 cốt đạo cơ bản nói trên, trong nhiều tập tục, nghi lễ của Islam giáo, các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á đã nhận thức và thực hành có sự khác biệt khá nhiều so với Islam giáo chính thống ở vùng Trung Cận Đông.

Những chứng cứ trên đây cho thấy rằng, đứng về mặt tín ngưỡng, các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á mặc dù vẫn tuân theo những giáo luật cơ bản của Islam giáo, nhưng do đặc điểm dân tộc hay tập tục, truyền thống văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của từng dân tộc, thậm chí đặc điểm từng vùng của một tộc người nên đã diễn ra hiện tượng địa phương hoá và dân tộc hoá Islam giáo. Ví dụ: các tín đồ Islam giáo Đông Nam Á, mặc dù có niềm tin vào Đấng Tối Cao là Thánh Allah, song vẫn có quan niệm vạn vật hữu linh, vì thế họ còn thờ cúng các nhiên thần, nhân thần và thờ cúng tổ tiên. *Về nghi*

lễ: vấn đề dân tộc hoá Islam giáo thể hiện rõ ở hiện tượng các tín đồ Islam giáo miền duyên hải Malaysia thường cử hành nghi thức tắm gội ngoài bờ biển trước khi đến thánh đường. Rõ ràng ở đây chịu ảnh hưởng của những nghi lễ tôn giáo phi Islam giáo. Hoặc *về mặt ngôn ngữ*: giáo luật Islam giáo buộc các tín đồ phải học tiếng Arập để đọc kinh *Coran*. Song trong đời sống thường ngày, trừ một số rất nhỏ các giáo trưởng và các học giả Islam giáo nắm được tiếng Arập, còn đại bộ phận tín đồ Islam giáo sử dụng tiếng của dân tộc mình, địa phương mình, rất ít sử dụng từ ngữ Arập, có chăng chỉ dùng các chữ cái Arập để phiên âm tiếng nước mình (tiêu biểu là Indonesia). Ngay cả trong trang phục, tập quán ăn uống cũng có tình trạng dân tộc hoá như thế.

Tất cả những bằng chứng trên đây cũng chứng tỏ một điều: Islam giáo với tư cách là một tôn giáo thế giới, mặc dù khá khắt khe trong giáo lí, giáo luật, song nó vẫn mang trong mình tính bao dung, cởi mở nhất định. Đây có thể là một trong những nguyên nhân làm cho Islam giáo phát triển một cách nhanh chóng và có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn như ngày nay./.